

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Thực hiện Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035” (sau đây gọi tắt là Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030), Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035” trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bám sát Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tiếp tục kế thừa, phát huy những thành tựu đạt được từ Đề án 06 giai đoạn 2022 - 2025; tập trung khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế; tạo bước đột phá trong ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, gắn với đẩy mạnh ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, phát triển kinh tế số, xã hội số và công dân số; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính.

- Huy động sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ quyết tâm, trách nhiệm nêu gương và sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của người đứng đầu các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương; đồng thời huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân nhằm tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

2. Yêu cầu

- Triển khai thống nhất, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; xác định chỉ tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện cụ thể, tổ chức phân công trách nhiệm rõ ràng; đồng thời thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, gắn với cơ chế kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ, đôn đốc hiệu quả tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Bám sát định hướng của Trung ương, các Chiến lược phát triển kinh tế số, Chiến lược dữ liệu quốc gia, Chiến lược an ninh mạng và các văn bản chỉ đạo, chương trình, đề án quốc gia khác liên quan, vận hành Chương trình triển khai Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030 theo nguyên tắc “5-3-3-2-1” (5 trụ cột trọng tâm: pháp lý, hạ tầng, dữ liệu, nguồn lực, an toàn - an ninh; triển khai ở 3 cấp chính quyền; hướng đến 3 giá trị cốt lõi: văn minh xã hội, phát triển kinh tế, phòng chống tội phạm; 2 nhóm chủ thể đồng hành: nhà nước kiến tạo và khu vực tư nhân chủ động sáng tạo; 1 quyết tâm chính trị cao độ của người đứng đầu trong toàn hệ thống), bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực chất.

- Thủ trưởng, người đứng đầu các đơn vị, địa phương phải nêu cao gương mẫu, quyết tâm cao, hành động quyết liệt đối với từng nhiệm vụ được giao, lựa chọn nguồn lực thực hiện hiệu quả; xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện bảo đảm nguyên tắc 6 rõ “Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”, gắn với trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát của người đứng đầu các đơn vị, địa phương.

- Lấy người dân và doanh nghiệp là trung tâm, mục tiêu, chủ thể, nguồn lực, động lực của chuyển đổi số. Mọi giải pháp, nền tảng, dịch vụ số cần hướng tới thuận tiện, dễ tiếp cận, an toàn, góp phần nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; thúc đẩy phát triển công dân số, huy động “mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận chuyển đổi số”, góp phần thúc đẩy Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

- Bảo đảm tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, điều hành; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Phát huy tối đa nguồn lực, đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, an toàn, liên thông, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quốc tế, phù hợp xu hướng phát triển công nghệ mới.

- Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo đúng các quy định của pháp luật.

- Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, xử lý các “điểm nghẽn”; cập nhật, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Trung ương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Thúc đẩy phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử mạnh mẽ, toàn diện, sâu rộng trong mọi lĩnh vực để thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, phục vụ hiệu quả các trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số, Xã hội số góp phần thực hiện thành công các mục tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW

ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 30/01/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình về chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 29/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án chuyển đổi số tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026 - 2030.

- Đến năm 2030, hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi của Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, đảm bảo người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hành chính (TTHC) theo địa giới hành chính. Xây dựng thành công hệ sinh thái dữ liệu dân cư quốc gia kết nối liên thông đa ngành, dữ liệu “Đúng, Đủ, Sạch, Sống, Thống nhất, Dùng chung” được khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản trị, điều hành. Phấn đấu đưa Ninh Bình thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về phát triển dữ liệu số, chuyển đổi số và ứng dụng dữ liệu dân cư phục vụ quản trị xã hội, phát triển kinh tế số và công dân số.

2. Mục tiêu cụ thể

- Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: theo phạm vi chức năng của địa phương, tập trung triển khai 06 nhóm mục tiêu cụ thể như sau: (1) Phục vụ giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và đổi mới sáng tạo chỉ đạo, điều hành; (2) Thúc đẩy phát triển kinh tế số - xã hội số; (3) Phục vụ phát triển công dân số; (4) Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu; (5) Đảm bảo an sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; (6) Phục vụ nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

- Tầm nhìn đến năm 2035: Góp phần đưa Ninh Bình trở thành địa phương phát triển toàn diện về chuyển đổi số, hướng tới xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia số phát triển bền vững, toàn diện; trong đó: Mọi giao dịch giữa người dân và chính quyền đều được thực hiện trên môi trường số. Các cơ sở dữ liệu quốc gia, với dữ liệu dân cư là hạt nhân, được kết nối, chia sẻ và sử dụng hiệu quả để phục vụ xây dựng Chính phủ thông minh, cho phép ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ số được cá nhân hóa, tự động, thuận tiện theo từng sự kiện cuộc đời. Dữ liệu và công nghệ số được ứng dụng sâu rộng trong mọi lĩnh vực: y tế, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, tư pháp, an ninh... Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng cao nhờ các tiện ích số. Văn hóa số, kỹ năng số trở thành phổ cập trong toàn xã hội.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển, cung cấp ứng dụng, dịch vụ số liên quan đến thông tin dân cư

- Nghiên cứu, tham gia góp ý hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn triển khai văn bản luật để tháo gỡ các “điểm nghẽn”, cơ chế thúc đẩy, giám sát trong công tác quản lý nhà nước, phục vụ phát triển chính quyền số, xã hội số, kinh tế số và công dân số.

- Tham mưu rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật quy định về thúc đẩy, tạo lập, khai thác và sử dụng dữ liệu; ứng dụng dữ liệu trong giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội; phòng ngừa và xử phạt các hành vi vi phạm trong lĩnh vực dữ liệu; các văn bản hướng dẫn bảo vệ an ninh dữ liệu bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

2. Phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tập trung thực hiện việc tái cấu trúc, cắt giảm thành phần hồ sơ, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, trong đó: thực hiện công bố thông tin có trong các cơ sở dữ liệu; xây dựng từ điển dữ liệu dùng chung, Cổng Dịch vụ công quốc gia mô hình giải quyết TTHC tập trung, thống nhất.

- Triển khai các sáng kiến, mở rộng các hình thức tiếp cận và sử dụng dịch vụ công, TTHC để tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp. Nhân rộng mô hình Kiosk hành chính công thông minh tại các địa điểm phù hợp nhằm hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận các dịch vụ số thiết yếu.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền cung cấp số liệu về kết quả cắt giảm, đơn giản hóa TTHC của các sở, ban, ngành, địa phương cho các cơ quan báo chí, truyền thông để công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

- Tham gia triển khai các mô hình thử nghiệm (sandbox) theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.

- Thúc đẩy việc sử dụng tài khoản định danh điện tử (VNeID) trong các giao dịch, thủ tục hành chính; ban hành các danh mục sản phẩm dịch vụ, các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử, đặc biệt các nhóm ngành tác động đến kinh tế số trong các lĩnh vực như: tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, logistics và thương mại điện tử.

- Nghiên cứu triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng thành phố thông minh như “Bản sao số”, “Mô hình địa điểm số” kết nối, ứng dụng Cơ sở dữ liệu địa điểm, dữ liệu dân cư và danh tính điện tử, gắn với dữ liệu khác.

- Ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh điện tử, dữ liệu địa điểm và các nền tảng số phục vụ xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh tỉnh Ninh Bình; hỗ trợ xác thực du khách, thanh toán số, tiếp nhận phản ánh hiện trường, đánh giá chất lượng dịch vụ và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, phát triển du lịch

bền vững. Đẩy mạnh số hóa dữ liệu các khu, điểm du lịch, di sản văn hóa, di tích lịch sử trên địa bàn tỉnh; thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu địa điểm và các nền tảng số phục vụ công tác quảng bá, quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

4. Phục vụ phát triển công dân số

- Tập trung triển khai các giải pháp bảo đảm công dân thực hiện quyền và nghĩa vụ trên môi trường số (như tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; quản lý, giám sát việc khai thác dữ liệu cá nhân); phối hợp triển khai hiệu quả các tiện ích trên ứng dụng VNeID theo lộ trình của Bộ Công an, trọng tâm là: (1) Lưu trữ dữ liệu số của công dân; (2) Định danh xác thực điện tử; (3) Thực hiện dịch vụ công trực tuyến và giải quyết TTHC; (4) Liên kết tài khoản thanh toán, ví điện tử, thẻ ngân hàng, dịch vụ tiền di động trên ứng dụng VNeID để thực hiện thanh toán, chi trả an sinh xã hội; (5) Là kênh giao tiếp chính thức, đảm bảo an toàn, bảo mật, hiệu quả giữa người dân với Nhà nước, người dân với doanh nghiệp, và người dân với người dân.

- Phối hợp hoàn thiện việc tạo lập “ví giấy tờ” của công dân, tổ chức trên VNeID, tạo lập kho dữ liệu của công dân, tổ chức trên môi trường số theo quy định.

- Xây dựng các nền tảng số, cung cấp các tiện ích để thúc đẩy công dân thực hiện trên môi trường số; hoàn thiện các công cụ số cho công dân như: tài khoản định danh điện tử, căn cước, chữ ký số, tài khoản thanh toán...

- Triển khai các cơ chế khuyến khích đối với công dân khi thực hiện dịch vụ số, TTHC trực tuyến theo quy định.

- Đẩy mạnh tuyên truyền về kỹ năng số của công dân, xây dựng chương trình đào tạo năng lực số theo các cấp độ phù hợp với từng nhóm đối tượng; đồng thời, tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp học, bậc học và chương trình giáo dục chính trị, tư tưởng trong hệ thống chính trị, bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả và khả thi; triển khai các tổ công nghệ số cộng đồng, mạng lưới đại sứ số, mô hình chợ số - nông thôn số.

- Phát động và triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; huy động lực lượng Công an cấp xã, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ và các tổ chức chính trị - xã hội làm nòng cốt trong phổ cập kỹ năng số cho Nhân dân; phấn đấu đưa kỹ năng số trở thành kỹ năng thiết yếu của mọi công dân trong kỷ nguyên số.

5. Mở rộng hạ tầng, hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ tạo lập, kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu

- Tiếp tục làm giàu, làm sạch, đối khớp, xác thực thông tin các dữ liệu đã được số hóa với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Khẩn trương xây dựng và đồng bộ các cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo các văn bản chỉ đạo của Chính phủ về Trung tâm dữ liệu

quốc gia để xây dựng Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ khai thác sử dụng cắt giảm, thay thế thành phần hồ sơ TTHC;

- Triển khai Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh Ninh Bình bám sát Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia.

6. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành

- Nghiên cứu rà soát mô hình quản trị thông minh, xây dựng, hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Xây dựng các hệ thống giám sát dịch vụ công, cắt giảm TTHC và chỉ số điều hành, phân tích, đo lường hiệu quả kinh tế số và sức khỏe doanh nghiệp gắn với Đề án 06; đo lường mức độ phát triển công dân số; các mô hình dự báo biến động dân số, di cư, nhu cầu dịch vụ công dựa trên dữ liệu thực tế.

- Triển khai nâng cấp Bản đồ số dân cư, xây dựng trợ lý ảo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

7. An sinh xã hội và phục vụ phòng, chống tội phạm, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội

- Tập trung đẩy mạnh việc tích hợp, sử dụng tài khoản an sinh xã hội, triển khai hệ thống phục vụ chi trả an sinh xã hội, thực hiện ứng dụng nền tảng thiện nguyện, nền tảng hiến máu quốc gia và các hệ thống, nền tảng an sinh khác dựa trên dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử.

- Triển khai, thực hiện ứng dụng các giải pháp về xác thực thông tin thuê bao di động với dữ liệu dân cư, căn cước, tài khoản định danh điện tử để phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

- Triển khai các công cụ phân tích mối quan hệ gia đình, xã hội trong dữ liệu dân cư để phục vụ điều tra, phòng ngừa tội phạm; triển khai các giải pháp cảnh báo sớm, thông tin tài khoản phạm tội, phòng, chống lừa đảo, rò rỉ dữ liệu.

8. Bảo đảm an ninh mạng

- Triển khai Trung tâm an ninh mạng tỉnh Ninh Bình gắn với các Trung tâm dữ liệu và hệ thống của cơ quan nhà nước; rà soát, triển khai các giải pháp đảm bảo an ninh dữ liệu, bảo mật thiết bị đầu cuối.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá công tác bảo đảm an ninh mạng của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong và ngoài nhà nước có kết nối, khai thác dịch vụ dữ liệu dân cư và định danh - xác thực điện tử.

9. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đo lường và đánh giá triển khai

- Thanh tra, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu liên quan đến dữ liệu dân cư giữa các sở, ban, ngành bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước và khai thác dữ liệu.

- Thanh tra công vụ, kiểm tra đối với cán bộ, công chức, viên chức trong giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để đánh giá tại các Phiên họp thường kỳ Chính phủ hàng tháng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Hằng năm, căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch và tổng hợp chung vào dự toán của sở, ngành, địa phương mình để trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ ưu tiên thẩm định, bố trí kinh phí giao các sở, ngành, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 chỉ đạo, điều hành toàn diện hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình Đề án 06 giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh.

2. Các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được quy định tại Kế hoạch này.

3. Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh

Trực tiếp làm việc với các sở, ban, ngành, địa phương để đôn đốc, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch. Định kỳ hàng tháng, đột xuất tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06; cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ tình hình, kết quả thực hiện tại địa phương, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Tổ công tác sử dụng bộ máy giúp việc là Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Công an tỉnh và được huy động chuyên gia để thực hiện nhiệm vụ được giao. Kinh phí hoạt động của Tổ công tác được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cho Công an tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4. Công an tỉnh

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch; thực hiện các nội dung nhiệm vụ phục vụ vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao của các hệ thống phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chỉ đạo của Bộ Công an.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương; tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu; đề xuất khen thưởng hoặc kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân triển khai chậm, không đạt yêu cầu.

5. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp với Công an tỉnh tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch tại các sở, ban, ngành, địa phương, tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 Chính phủ theo yêu cầu; phối hợp, tham mưu khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, đồng thời phê bình những đơn vị chậm trễ, chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ liên quan đến dữ liệu dân cư, định danh điện tử theo phạm vi chức năng của địa phương, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham mưu triển khai thực hiện Khung đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số hàng năm cho các sở, ban, ngành, địa phương theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Ngân hàng Nhà nước khu vực VII

- Chủ trì, phối hợp Công an tỉnh và các đơn vị liên quan làm sạch dữ liệu khách hàng vay.

- Chỉ đạo các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh tăng cường xác minh thông tin, nhận biết khách hàng khi thực hiện các giao dịch để nhận biết chính xác khách hàng đăng ký và sử dụng dịch vụ ngân hàng; tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số, tăng cường an ninh, bảo mật thông tin ngân hàng và an toàn trong hoạt động thanh toán.

8. Sở Y tế

- Thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Bộ Y tế về việc xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết nối toàn bộ hệ thống chính trị theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP, ngày 22/10/2025 của Chính phủ.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế kết nối, chia sẻ dữ liệu để triển khai Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại trên ứng dụng VNeID.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để kết nối toàn bộ hệ thống chính trị theo Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ. Thực hiện việc triển khai tích hợp văn bằng, chứng chỉ trên ứng dụng định danh quốc gia VNeID, triển khai tích hợp nội dung giáo dục công dân số vào chương trình giáo dục chính quy các cấp, các bậc học.

10. Sở Tài chính

- Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án triển khai Kế hoạch theo phân cấp ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Thực hiện các nhiệm vụ theo phạm vi chức năng phục vụ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính (ngân sách, thuế, hải quan, tài sản công...) và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành tài chính, đảm bảo kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực tài chính.

11. Các sở, ban, ngành, địa phương

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chỉ đạo của các bộ, ngành cấp trên có liên quan đến “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035”; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện. Kết quả triển khai Kế hoạch là một trong những căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kế hoạch này và các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II ban hành kèm theo Kế hoạch, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện của sở, ban, ngành, địa phương gửi về Công an tỉnh và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày **31/7/2026** để theo dõi, phối hợp;

- Chủ động đề xuất, bố trí kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Theo phạm vi chức năng, thực hiện các nhiệm vụ phục vụ xây dựng các Cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm đồng bộ, kết

nổi, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Hệ thống định danh và xác thực điện tử.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân trên địa bàn sử dụng các tiện ích của Đề án 06, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên.

- Có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra, thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước được giao đối với việc triển khai các nhiệm vụ của Kế hoạch; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vi phạm theo thẩm quyền. Đối với các nội dung thanh tra, kiểm tra mang tính liên ngành, thanh tra công vụ và đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch, thực hiện theo quy định.

- Chủ động nghiên cứu, triển khai các mô hình ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh điện tử theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC, kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp trên ứng dụng VNeID và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao dựa trên kết quả chấm điểm trên phần mềm theo dõi giám sát Đề án 06 (dean06.vn) để phục vụ đánh giá tại các Phiên họp.

- Theo chức năng, chủ động tham mưu triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ Đề án 06 khác theo hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương có liên quan.

- Định kỳ trước ngày **15 hằng tháng** báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao về Công an tỉnh và Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai Kế hoạch này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả, tiến độ thực hiện. Đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất theo hướng dẫn của Cơ quan Thường trực (Công an tỉnh). Trong quá trình triển khai, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Công an tỉnh) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Công an (để b/c);
- Tổ Công tác triển khai ĐA06/CP (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- BCĐ Nghị quyết 57 tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thành viên Tổ CT Đề án 06 tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUBND: CVP, PCVP, VP2, VP11;
- Lưu: VT, VP11_(NVD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Thanh Sơn